

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ,
KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI TRONG QUY HOẠCH TỈNH
VÀ ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 TỈNH BÌNH PHƯỚC

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện Công văn số 802/BTNMT- QHPTTND ngày 07/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất, kiểm kê đất đai và đề xuất nhu cầu sử dụng đất phục vụ lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Báo cáo số 60/BC-SBBMT-QLĐĐ ngày 3/4/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước báo cáo như sau:

I. VIỆC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ, KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI TRONG QUY HOẠCH TỈNH

1. Việc tổ chức triển khai lập Quy hoạch tỉnh và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương

1.1. Đối với quy hoạch cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 thành lập Ban Chỉ đạo lập quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tỉnh Bình Phước đã tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050, được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thông qua Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã được thẩm định tại Báo cáo số 8770/BC-HĐTĐ ngày 01/12/2022 của Hội đồng thẩm định quy hoạch cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉnh sửa hoàn thiện được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 17/01/2023. Quy hoạch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 và được điều chỉnh tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024.

1.2. Đối quy hoạch cấp huyện:

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 3310/UBND-KT ngày 16/9/2020 về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện.

Trên cơ sở biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã chỉnh sửa và trình và được UBND tỉnh ban hành 11 Quyết định phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến 2030 cấp huyện.

1.3. Đối với Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai xây dựng kế hoạch sử dụng đất để tổ chức thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn và đã ban hành 44 Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021, 2022, 2023, 2024 cho 11 huyện, thị xã, thành phố.

1.4. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn; nguyên nhân tồn tại trong quá trình tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện

a) Thuận lợi

Nhìn chung, công tác lập, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh đã được quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm chặt chẽ, chất lượng lập, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất từng bước được nâng lên; đất đai từng bước được quản lý, sử dụng hiệu quả và theo đúng quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt.

Thực tiễn thi hành Luật Đất đai 2013, cho thấy công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần bảo đảm tính thống nhất và hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước và đất đai.

Quy hoạch được phê duyệt là căn cứ để Nhà nước thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về đất đai, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh và đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả theo quy hoạch được duyệt.

b) Khó khăn, tồn tại

- Việc lập Quy hoạch cấp tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 là khá mới, tổng hợp toàn bộ các quy hoạch dẫn đến còn khó khăn trong việc tổ chức triển khai xây dựng, thời gian xây dựng và trình phê duyệt kéo dài.

- Theo quy định pháp luật, công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được thực hiện đồng bộ từ trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, để đảm bảo quản lý nhà nước về quy hoạch, Bình Phước đã phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện trước khi Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt dẫn đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vẫn còn chồng chéo và mâu thuẫn với quy hoạch tỉnh, các quy hoạch ngành, quy hoạch vùng và quy hoạch xây dựng.

2. Hiện trạng và biến động sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2024

2.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024

Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 tỉnh Bình Phước được tổng hợp từ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của cấp huyện.

(Phụ biểu 02 kèm theo).



2.2. Xu thế biến động sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2024.

Giai đoạn 2021 - 2024 trên địa bàn tỉnh có xu hướng giảm diện tích đất nông nghiệp và tăng diện tích đất phi nông nghiệp và trong giai đoạn này các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp được phát triển mạnh, chuẩn bị các điều kiện để phát triển kinh tế xã hội địa phương và việc đầu tư các dự án đường giao thông lớn trên địa bàn tỉnh như đường cao tốc.

2.3. Tình hình chuyển mục đích sử dụng một số loại đất nông nghiệp của địa phương giai đoạn 2021 - 2024: đất trồng lúa (trong đó có đất chuyên trồng lúa nước); đất trồng cây lâu năm; đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng; đất rừng sản xuất (đặc biệt là rừng tự nhiên); đất nuôi trồng thủy sản. Phân tích cụ thể nguyên nhân thực hiện chưa đạt hoặc vượt so với chỉ tiêu được phê duyệt.

Việc chuyển mục đích sử dụng một số loại đất nông nghiệp của địa phương giai đoạn 2021 - 2024 chủ yếu là đất trồng cây lâu năm sang thực hiện các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các dự án giao thông, khu dân cư.... Đối với đất trồng lúa (trong đó có đất chuyên trồng lúa nước); đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng; đất rừng sản xuất (đặc biệt là rừng tự nhiên); đất nuôi trồng thủy sản chưa thực hiện do quy hoạch tỉnh được phê duyệt đến cuối năm 2023 và đến năm 2024, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết danh mục các dự án có sử dụng đất trong lúa sang chuyển mục đích khác mới ban hành.

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của UBND cấp tỉnh được giao tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 trên địa bàn, cụ thể:

a) Việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 9/3/2022 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 cho các đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn và đánh giá kết quả thực hiện

(Chi tiết có Phụ biểu 03 kèm theo).

b) Đánh giá việc bố trí các nguồn vốn để bảo đảm thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quan tâm đầu tư cho công tác điều tra, đánh giá đất đai, xây dựng hồ sơ địa chính và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, xác định ranh giới, tổ chức cắm mốc diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng;

- Khi xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm, tỉnh Bình Phước luôn quan tâm bố trí nguồn vốn thực hiện đối với các dự án đặc biệt là các dự án đầu tư công để đảm bảo việc triển khai đầu tư xây dựng các dự án trên địa bàn tỉnh.

- Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai: tỉnh Bình Phước đã phê duyệt Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai giai đoạn 2020 - 2022 tại Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 08/6/2020. Đến nay, 111/111 xã, phường, thị trấn đã được đo đạc chỉnh lý, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đã được quản lý, vận hành liên thông với dịch vụ công tỉnh và kết nối dữ liệu với Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Đánh giá công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch, trong đó việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; việc xử lý các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; việc xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch sử dụng đất.

Việc thanh tra, kiểm tra về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) chú trọng thực hiện. Trong kỳ, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thành lập 01 đoàn thanh tra việc chấp hành pháp luật đất đai trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các huyện, thị xã: Bù Đốp và Chơn Thành; đồng thời hằng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập Đoàn thanh tra trách nhiệm việc chấp hành pháp luật về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đối với các huyện, thị xã, thành phố, trong đó có lồng ghép nội dung thanh tra, kiểm tra việc lập, thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Kết quả thanh tra, kiểm tra cho thấy: Việc lập, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện, trong đó đã hoàn thành việc lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, Kế hoạch sử dụng đất hàng năm theo quy định của Luật Đất đai, cơ bản đảm bảo sự thống nhất về chỉ tiêu trong quy hoạch, kế hoạch của từng cấp; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp dưới với quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của cấp trên. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, khuyết điểm cụ thể như sau: Công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện còn chậm; trình tự lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn chưa đảm bảo theo quy định tại một số bước; chất lượng lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa cao; chưa triển khai thực hiện việc xác định cụ thể diện tích, ranh giới đất trồng lúa, đất lâm nghiệp là rừng tự nhiên ngoài thực địa; tình hình tự ý chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất lâm nghiệp trái phép vẫn còn xảy ra nhưng chưa được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, việc theo dõi thi hành quyết định xử phạt hành chính đối với các trường hợp tự ý chuyển mục đích sử dụng đất trái phép cũng chưa được các huyện, thị xã, thành phố quan tâm chú trọng thực hiện.

Qua thanh tra, kiểm tra, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã yêu cầu UBND các huyện, thị xã, thành phố: Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện; đảm bảo việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đúng trình tự, thủ tục và thời gian theo quy định; Chú trọng thực hiện việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất để đưa vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm làm căn cứ thực hiện các quyền của người sử dụng đất để đảm bảo kế hoạch sử dụng đất hàng năm sát thực tế; Xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện việc xác định diện tích đất trồng lúa, đất rừng tự nhiên ngoài thực địa; có biện pháp quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa, đất lâm nghiệp trên địa bàn; tăng cường công tác kiểm tra để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo quy định đối với các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trái phép.

4. Kết quả thực hiện phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

4.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan việc thực hiện phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh.

a) Đối với Quy hoạch tỉnh Bình Phước.

- Trên cơ sở Quyết định số 326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bình Phước tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050, được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thông qua Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đã được thẩm định tại Báo cáo số 8770/BC-HĐTĐ ngày 01/12/2022 của Hội đồng thẩm định quy hoạch cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉnh sửa, hoàn thiện được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 17/01/2023. Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 (từ đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh).

- Trên cơ sở Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg; Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; Bình Phước đã trình Chính phủ đề nghị phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 02/10/2024 và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Đối với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

Để tổ chức lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 3310/UBND-KT ngày 16/9/2020 về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. Năm 2022 và 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 11 Quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cho 11 huyện, thị xã thành phố.

Thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Nghị quyết tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030; Căn cứ vào phương án phân bổ khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh; và do Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện phê duyệt trước khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt, một số chỉ tiêu sử dụng đất chưa phù hợp với Quy hoạch tỉnh; vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 220/UBND-KT ngày 17/01/2024 thuận chủ trương lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện gửi Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức lập quy hoạch cấp tỉnh, tuy nhiên, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1259/QĐ-TTg và ngày 01/8/2024 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành, hệ thống loại đất có một số loại đất mới dẫn đến phải rà soát

và chỉ tiêu được điều chỉnh dẫn đến nay điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 cấp huyện của 11 huyện, thị xã, thành phố chưa được phê duyệt. Dự kiến trong tháng 6/2025 sẽ hoàn thành phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

c) Đối với Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện:

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai xây dựng kế hoạch sử dụng đất để tổ chức thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn; Năm 2021, 2022, 2023, 2024 và năm 2025 đã Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 54 Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021, 2022, 2023, 2024, 2025 cho 11/11 huyện, thị xã, thành phố. Riêng Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Bù Đăng đã được Hội đồng thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thẩm định, hiện UBND huyện Bù Đăng đang hoàn thiện.

4.2. Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất theo phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

(Chi tiết theo Phụ biểu 03 kèm theo).

- Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất:

(Chi tiết theo Phụ biểu 04 kèm theo).

- Kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng: Chưa thực hiện.

- Đánh giá kết quả thực hiện:

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng năm 2021, 2022 cấp huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt. Việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đã góp phần đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về đất đai; đồng thời tạo lập cơ sở pháp lý cho công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất đưa công tác quản lý đất đai ở địa phương dần đi vào nề nếp.

Tuy nhiên trong 02 năm 2021, 2022, kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất còn tồn tại, hạn chế là phần lớn các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện chưa đạt theo kế hoạch đề ra (chỉ có 05 chỉ tiêu sử dụng đất đạt theo kế hoạch phê duyệt gồm: Đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất và đất công trình bưu chính viễn thông); nguyên nhân do:

- UBND tỉnh đã sớm triển khai lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất (Công văn số 3310/UBND-KT ngày 16/9/2020 về việc lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện), tuy nhiên Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021, năm 2022 chậm được phê duyệt ảnh hưởng đến quá trình lập công trình, dự án.



- Quy hoạch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh tổ chức thực hiện từ cuối năm 2019, quá trình lập và thẩm định quy hoạch, Bình Phước đã đặc biệt nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của các Bộ ngành Trung ương, đến nay UBND tỉnh đã trình Chính phủ. Tuy nhiên, do Quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt dẫn đến một số công trình dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và đất rừng sản xuất chưa có cơ sở để thực hiện, đã ảnh hưởng đến kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp đạt thấp (chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất hiện nay bằng hiện trạng năm 2020).

II. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT CỦA TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050.

1. Tổng hợp, đề xuất điều chỉnh nhu cầu sử dụng đất của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Chi tiết tại Phụ biểu 06 kèm theo).

2. Tổng hợp các danh mục các công trình dự án trọng điểm, ưu tiên đầu tư có sử dụng đất để làm cơ sở, căn cứ điều chỉnh

(Chi tiết tại Phụ biểu 07 kèm theo).

3. Tổng hợp diện tích các loại đất phải chuyển mục đích trong giai đoạn đến năm 2030, trong đó xác định diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên

(Chi tiết tại Phụ biểu 08 kèm theo).

4. Phân tích, luận giải cơ sở, căn cứ đề xuất điều chỉnh nhu cầu sử dụng đất

4.1. Tổng hợp, đề xuất các chỉ tiêu điều chỉnh

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích theo QH tỉnh đã phê duyệt theo QĐ 1489, 1259	Đề xuất nhu cầu điều chỉnh của địa phương đến năm 2030	Chênh lệch
I	LOẠI ĐẤT	687.356	687.356	0
1	Đất nông nghiệp	595.170	451.313	-143.857
	<i>Trong đó:</i>			0
1.1	Đất trồng lúa	5.493	4.493	-1.000
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	521	521	0
1.2	Đất trồng cây lâu năm	429.987	287.130	-142.857
1.3	Đất rừng phòng hộ	43.090	43.090	0
1.4	Đất rừng đặc dụng	31.348	31.348	0
1.5	Đất rừng sản xuất	73.019	73.019	0
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	10.682	13.468	2.786
2	Đất phi nông nghiệp	92.113	236.043	143.930
	<i>Trong đó:</i>			0
2.1	Đất quốc phòng	3.627	3.627	0
2.2	Đất an ninh	1.314	1.314	0

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích theo QH tỉnh đã phê duyệt theo QĐ 1489, 1259	Đề xuất nhu cầu điều chỉnh của địa phương đến năm 2030	Chênh lệch
2.3	Đất khu công nghiệp	7.584	18.105	10.521
2.4	Đất cụm công nghiệp	1.253	1.828	575
2.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	1.971	95.857	93.886
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	50.250		
	Trong đó:			0
-	Đất giao thông	17.115	30.245	13.130
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	281	281	0
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	974	974	0
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	1.144	1.144	0
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	444	1.560	1.116
-	Đất công trình năng lượng	23.121	37.096	13.975
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	26	26	0
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	3	3	0
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	320	400	80
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	296	296	0
-	Đất cơ sở tôn giáo	236	280	44
2.7	Đất ở tại nông thôn	6.192	12.192	6.000
2.8	Đất ở tại đô thị	3.673	5.673	2.000
2.9	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	37	78	41
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng	11	11	0
2.11	Đất có mặt nước chuyên dùng	10.086	11.931	1.845
2.12	Đất phi nông nghiệp khác	51	846	795
3	Đất chưa sử dụng	73	0	-73

Trong đó, một số chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Bình Phước đề xuất điều chỉnh cao hơn chỉ tiêu được duyệt trong quy hoạch là:

- Nhóm đất nông nghiệp thấp hơn 143.857 ha, trong đó đất trồng lúa thấp hơn 1.000 ha.

- Nhóm đất phi nông nghiệp cao hơn 143.930 ha, trong đó:

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản cao hơn 93.886 ha.

+ Đất công trình năng lượng cao hơn 13.975 ha.

+ Đất giao thông cao hơn 13.130 ha.

+ Đất khu công nghiệp cao hơn 10.521 ha.

+ Đất ở cao hơn 8.000 ha.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao cao hơn 1.116 ha...

- Nhóm đất chưa sử dụng thấp hơn 73 ha.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).

4.2. Nguyên nhân điều chỉnh

4.2.1. Đối với nhóm đất nông nghiệp

Do chuyển đất nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án thuộc nhóm đất phi nông nghiệp vì vậy đề xuất điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 như sau:

- Hiện trạng năm 2020: 616.307 ha.

- Quy hoạch được duyệt đến năm 2030: 595.170 ha.

- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 451.313 ha, giảm 143.857 ha, do chu chuyển sang các loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp, cụ thể:

+ Chu chuyển 143.477 ha đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp khác; gồm: Chu chuyển sang đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 93.586 ha, đất công trình năng lượng 13.975 ha, đất giao thông 13.130 ha, đất khu công nghiệp 10.521 ha, đất ở 8.000 ha ...

+ Chu chuyển 380 ha đất trồng lúa còn lại sang đất phi nông nghiệp khác; Gồm: chu chuyển 300 ha đất trồng lúa còn lại sang đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; Chu chuyển 80 ha đất trồng lúa còn lại sang đất sử dụng cho đất công trình giao thông.

(1) Đất trồng lúa

- Hiện trạng năm 2020: 6.680 ha.

- Quy hoạch được duyệt đến năm 2030: 5.493 ha.

- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 4.493 ha, giảm 1.000 ha, do chu chuyển sang đất trồng cây lâu năm: 620 ha, đất công trình giao thông: 80 ha, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 300 ha.

Diện tích đất lúa đề xuất điều chỉnh chủ yếu đất trồng lúa còn lại (không phải là đất chuyên trồng lúa), đồng thời diện tích đất lúa này là lúa 1 vụ năng suất thấp, một số diện tích đã không còn trồng lúa hoặc đã chuyển sang trồng cây lâu năm nhưng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn còn là đất lúa. Một số diện tích xin giảm diện tích đất lúa nằm trong các khu vực quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (quặng Bô xít), đất quy hoạch đất công trình giao thông để thực hiện các tuyến đường giao thông trọng điểm, cấp bách hiện nay của tỉnh như Đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước); Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành và một số tuyến đường giao thông khác.

(2) Đất trồng cây lâu năm

- Hiện trạng năm 2020: 434.205 ha.

- Quy hoạch được duyệt đến năm 2030: 429.987 ha.

- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 287.130 ha, giảm 142.857 ha.

Đến năm 2030, đất trồng cây lâu năm giảm 142.857 ha, do:

- Giảm 143.477 ha do chu chuyển sang các loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp.

- Tăng 620 ha chu chuyển từ đất trồng lúa còn lại.

Diện tích đất cây lâu năm đề xuất giảm diện tích chủ yếu là cây cao su và điều thuộc các khu vực quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (quặng Bô xít), quy hoạch đất công trình giao thông, đất công trình năng lượng và đất khu công nghiệp

(3) Đất rừng sản xuất có rừng tự nhiên.

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 10.682 ha.
- Quy hoạch được duyệt đến năm 2030: 10.682 ha.
- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 13.468 ha (Tăng 2.786 ha so với Quyết định số 326/QĐ-TTg).

Trong năm 2023, Bình Phước tổ chức thực hiện rà soát diễn biến rừng và đất lâm nghiệp, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 về việc Công bố hiện trạng rừng tỉnh Bình Phước năm 2023, theo đó diện tích đất rừng sản xuất có rừng tự nhiên là 13.468 ha, tăng 2.786 ha so với số liệu hiện trạng năm 2020 (10.682 ha). Để quản lý, bảo vệ diện tích có rừng tự nhiên này, kiến nghị điều chỉnh diện tích đất rừng sản xuất có rừng tự nhiên đến năm 2030: 13.468 ha.

4.2.2. Đối với nhóm đất phi nông nghiệp

Đối với nhóm đất phi nông nghiệp, đề xuất điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

- Hiện trạng năm 2020: 70.976 ha.
- Quy hoạch được duyệt đến năm 2030: 92.113 ha.
- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 236.043 ha. Tăng 143.930 ha so với Quyết định số 326/QĐ-TTg do chu chuyển từ đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng sang các loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp, cụ thể:
 - + Chu chuyển 380 ha đất trồng lúa còn lại; trong đó chu chuyển sang đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 300 ha, đất công trình giao thông 80 ha.
 - + Chu chuyển 143.477 ha đất trồng cây lâu năm; trong đó chuyển sang đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 93.586 ha, đất công trình năng lượng 13.975 ha, đất giao thông 13.130 ha, đất khu công nghiệp 10.521 ha, đất ở 8.000 ha ...
 - + Chu chuyển 73 ha đất chưa sử dụng sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

Đề xuất đất phi nông nghiệp tăng 143.930 ha so với Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến 2050 đã được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1259/QĐ-TTg và nhu cầu phát triển kinh tế địa phương trong tình hình mới; Cụ thể như sau:

a) Các chỉ tiêu sử dụng đất đề xuất tăng thêm để đảm bảo phù hợp với các quy hoạch đã được Chính phủ phê duyệt: Gồm các chỉ tiêu sau:

(1) Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản



Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; Bình Phước đã trình Chính phủ đề nghị phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 02/10/2024 và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã phê duyệt phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên với diện tích 93.886 ha, gồm:

+ Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản Bô-xít 04 khu vực mỏ với diện tích khoảng 75.957 ha theo Quyết định 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Quy hoạch 04 khu vực dự trữ khoáng sản Bô-xít với diện tích khoảng 14.181 ha theo Quyết định số 1277/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Khoanh định 89 khu vực thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản với diện tích 3.748 ha.

Tuy nhiên, lại không điều chỉnh tăng chỉ tiêu nhóm đất phi nông nghiệp và giảm chỉ tiêu của nhóm đất nông nghiệp để phù hợp với nội dung đã được điều chỉnh. Do đó tỉnh Bình Phước đề nghị điều chỉnh như sau:

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 1.093 ha.
- Quy hoạch được duyệt đến năm 2030: 1.971 ha.
- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 95.857 ha, tăng 93.886 ha, do thực hiện các dự án khoáng sản nêu trên đã được Thủ tướng chấp thuận cập nhật trong Quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024.

Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản tăng 93.886 ha được chuyển từ 93.586 ha đất trồng cây lâu năm, 300 ha đất trồng lúa còn lại. Phần lớn diện tích quy hoạch bô xít các khu vực vùng xa khu dân cư, cây trồng chủ yếu là cao su, điều; bên cạnh đó, phương pháp khai thác quặng bô xít theo quy trình thực hiện tới đâu thì sẽ hoàn trả lại đất mặt tới đó và sẽ bàn giao diện tích này về địa phương để tiếp tục canh tác sản xuất hoặc chuyển sang làm dự án điện mặt trời, vì vậy ít ảnh hưởng đến đời sống của người dân trong khu vực.

(2) Đất khu công nghiệp

* Thực trạng các khu công nghiệp và khu công nghiệp trong Khu kinh tế:

Bình Phước được Thủ tướng Chính phủ thuận cho phát triển 14 khu công nghiệp (từ đây viết tắt là KCN) với diện tích 6.838 ha, cụ thể như sau:



+ Quy hoạch 13 KCN theo Công văn số 2161/TTg-KTN ngày 26/11/2015 với tổng diện tích 4.686 ha: Đến nay, tỉnh đã giao, cho thuê 3.762 ha. Trong đó: 11 Khu công nghiệp đã được giao và cho thuê toàn bộ diện tích; 01 KCN Becamex đã giao và cho thuê 1.607 ha/2.450 ha; 01 KCN Tân Khai II (160 ha), hiện nay đang thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư.

+ Mở rộng 03 KCN với diện tích 1.375 ha theo chấp thuận chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 45/TTg-CN ngày 14/01/2021. Cụ thể: Mở rộng KCN Bắc Đồng Phú (317 ha), KCN Nam Đồng Phú (480 ha) và KCN Minh Hưng III (578 ha): Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 02 Quyết định chủ trương đầu tư với diện tích 800,40 ha, gồm Mở rộng KCN Bắc Đồng Phú (317 ha), Mở rộng KCN Minh Hưng III (483,40 ha); các KCN còn lại, Chủ đầu tư đã hoàn chỉnh hồ sơ và trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

+ Chủ trương đầu tư KCN Hoa Lư với diện tích 348 ha tại Quyết định số 550/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, Chủ đầu tư đã được giao và cho thuê diện tích 98,86 ha để triển khai xây dựng đầu tư hạ tầng KCN.

+ Chủ trương đầu tư KCN Ledana với diện tích 425 ha tại Quyết định số 738/QĐ-TTg ngày 02/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư KCN Ledana 425 ha. Hiện nay, Chủ đầu tư tiến hành giải phóng mặt bằng được hơn 274 ha để triển khai xây dựng đầu tư hạ tầng KCN.

+ Bổ sung KCN Minh Hưng - Hàn Quốc khoảng 4 ha theo đề nghị của Chủ đầu tư hạ tầng KCN Minh Hưng - Hàn Quốc và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 6225/BKHĐT-QLKKT ngày 05/9/2022 đề nghị bổ sung vào Quy hoạch tỉnh.

Đơn vị tính: ha

STT	Tên KCN	Đất trong quy hoạch phát triển/quy hoạch tỉnh	Đất trong QĐ thành lập/chấp thuận chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư đã được UBND tỉnh cho thuê đất	Đất đang đề xuất chủ trương đầu tư	Tỷ lệ lấp đầy (%)
	Toàn tỉnh	6.837,7	6.091,7	3.761,7	734,1	
1	KCN Becamex - Bình Phước	2.450,0	2.448,3	1.606,9		27,7
2	KCN Minh Hưng - Hàn Quốc	197,0	192,3	192,3		100
3	KCN Minh Hưng III	869,5	774,9	291,5	94,1	
+	<i>KCN Minh Hưng III</i>	<i>292,0</i>	<i>291,5</i>	<i>291,5</i>		<i>100</i>
+	<i>KCN Minh Hưng III (giai đoạn 2)</i>	<i>577,5</i>	<i>483,4</i>	<i>0,0</i>	<i>94,1</i>	
4	KCN Minh Hưng - Sikico	655,0	655,0	654,8		48,1
5	KCN Bắc Đồng Phú	507,4	507,4	188,8	0,0	
+	KCN Bắc Đồng Phú	190,4	190,4	188,8		97,5
+	KCN Bắc Đồng Phú (giai đoạn 2)	317,0	317,0	0,0		
6	KCN Nam Đồng Phú	552,0	69,0	69,0	480,0	
+	KCN Nam Đồng Phú	72,0	69,0	69,0		89,6

STT	Tên KCN	Đất trong quy hoạch phát triển/quy hoạch tỉnh	Đất trong QĐ thành lập/chấp thuận chủ trương đầu tư	Chủ đầu tư đã được UBND tỉnh cho thuê đất	Đất đang đề xuất chủ trương đầu tư	Tỷ lệ lấp đầy (%)
+	KCN Nam Đồng Phú	72,0	69,0	69,0		89,6
+	KCN Nam Đồng Phú (giai đoạn 2)	480,0	0,0	0,0	480,0	
7	KCN Chơn Thành I	125,0	124,5	112,3		98,2
8	KCN Chơn Thành II	76,0	76,0	76,0		96,1
9	KCN Đồng Xoài I	163,0	162,6	162,6		90,8
10	KCN Đồng Xoài II	85,0	84,7	84,7		85,9
11	KCN Đồng Xoài III	121,0	120,3	120,3		93,2
12	KCN Tân Khai II	160,0			160,0	0
13	KCN Việt Kiều	104,0	103,9	103,9		44,3
14	KCN tập trung trong Kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	772,8	772,8	98,7		
+	KCN Ledana	-	424,5	0,0		0
+	KCN Hoa Lư	-	348,3	98,7		0

Như vậy, đến nay, Bình Phước được Thủ tướng Chính phủ thuận cho thực hiện 14 KCN với diện tích 6.838 ha, Bình Phước đã triển khai thực hiện với kết quả như sau:

+ Các KCN đã có chủ trương đầu tư: 14 KCN với diện tích 6.091,7 ha. Trong đó, đã giao và cho thuê: 3.761,7 ha; đang tổ chức thu hồi đất là 1.803 ha (KCN Becamex Bình Phước: 1.125 ha, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc: 4 ha, KCN Hoa Lư: 249 ha, KCN Ledana: 425 ha).

+ Các KCN đã trình quyết định chủ trương đầu tư: 734,1 ha, gồm: KCN Tân Khai II (160 ha); Mở rộng KCN Nam Đồng Phú (480 ha), KCN Minh Hưng III (94,1ha).

**** Định hướng quy hoạch các KCN, Khu kinh tế trong giai đoạn 2021-2030:**

Chỉ tiêu phân bổ đến năm 2030 theo Quyết định 326/QĐ-TTg là 7.548 ha; trong khi, đến năm 2023, Thủ tướng Chính phủ đã thuận chủ trương phát triển 14 KCN với diện tích 6.838 ha. Như vậy, đến năm 2030, Bình Phước chỉ được phân bổ 746 ha đất để phát triển mới KCN; trong khi nhu cầu phát triển KCN đến năm 2030 của Bình Phước rất lớn, cụ thể: Theo Đề án Phát triển các Khu công nghiệp, Khu kinh tế, Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 đã được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước thông qua tại Kết luận số 361-KL/TU ngày 25/6/2022 và Quyết định số 1656/QĐ-UBND ngày 9/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước: Tổng diện tích đất khu công nghiệp đến năm 2030 là 18.105 ha, lớn hơn 10.521 ha so với chỉ tiêu đất khu công nghiệp được Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg là (7.584 ha).

Bên cạnh đó, tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã phê duyệt phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp, trong đó quy mô phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt 18.105 ha; trong đó các khu công nghiệp tiềm năng thành lập mới trong trường hợp tỉnh Bình Phước được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp là 10.521 ha. Chi tiết các KCN được thể hiện tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-TTg, cụ thể như sau:

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích theo Quy hoạch tỉnh được duyệt tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg (ha)	Điều chỉnh diện tích KCN trong Quy hoạch tỉnh (ha)		
				Diện tích điều chỉnh Quy hoạch tỉnh (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất KCN phân bổ đến năm 2025 (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất KCN phân bổ giai đoạn 2026-2030 (ha)
I	Các Khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất KCN được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024		7.584	7.584	4.908	2.676
1	KCN Bắc Đồng Phú	Huyện Đồng Phú và Thành phố Đồng Xoài	190	190	190	-
2	KCN Nam Đồng Phú	Huyện Đồng Phú	72	69	69	-
3	KCN Đồng Xoài I	Thành phố Đồng Xoài	163	163	163	-
4	KCN Đồng Xoài II	Thành phố Đồng Xoài	85	85	85	-
5	KCN Đồng Xoài III	Thành phố Đồng Xoài	121	121	121	-
6	KCN Chơn Thành I	Thị xã Chơn Thành	125	125	125	-
7	KCN Chơn Thành II	Thị xã Chơn Thành	76	76	76	-
8	KCN Minh Hưng - Hàn Quốc	Thị xã Chơn Thành	197	197	197	-
9	KCN Minh Hưng III	Thị xã Chơn Thành	292	292	292	-
10	KCN Becamex - Bình Phước	Thị xã Chơn Thành	2.450	2.450	2.000	450
11	KCN Minh Hưng - Sikico	Huyện Hớn Quản	655	655	655	-
12	KCN Việt Kiều	Huyện Hớn Quản và thị xã Bình Long	104	104	104	-
13	KCN Tân Khai II	Huyện Hớn Quản	160	160	160	-
14	KCN Bắc Đồng Phú giai đoạn II	Thành phố Đồng Xoài và huyện Đồng Phú	317	317	133	184
15	KCN Nam Đồng Phú giai đoạn II	Huyện Đồng Phú	480	480	62	418
16	KCN Minh Hưng III	Thị xã Chơn Thành	578	578	151	427

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích theo Quy hoạch tỉnh được duyệt tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg (ha)	Điều chỉnh diện tích KCN trong Quy hoạch tỉnh (ha)		
				Diện tích điều chỉnh Quy hoạch tỉnh (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất KCN phân bổ đến năm 2025 (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất KCN phân bổ giai đoạn 2026-2030 (ha)
	giai đoạn II					
17	KCN Hoa Lư	KKTCK Hoa Lư - Lộc Ninh	150	348	100	248
18	KCN Ledana	KKTCK Hoa Lư - Lộc Ninh	200	425	225	200
19	KCN Minh Hưng - Sikico giai đoạn II	Huyện Hớn Quản	-	300	-	300
20	Các Khu Công nghiệp Đông Nam Đồng Phú	Huyện Đồng Phú	1.619	449	-	449
II	Các khu công nghiệp tiềm năng thành lập mới trong trường hợp tỉnh Bình Phước được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp		10.521	10.521		
1	Các Khu Công nghiệp Đông Nam Đồng Phú (Giai đoạn II)	Huyện Đồng Phú	2.581	3.751		
2	KCN Becamex Bình Phước	Thị xã Chơn Thành	450	-		
3	KCN Long Tân (Phú Riềng)	Huyện Phú Riềng	283	283		
4	KCN Minh Lập và Minh Hưng	Thị xã Chơn Thành	800	800		
5	KCN Tân Khai (Hớn Quản)	Huyện Hớn Quản	240	240		
6	KCN Minh Đức (Hớn Quản)	Huyện Hớn Quản	460	460		
7	KCN Minh Hưng - Sikico - Giai đoạn II (Hớn Quản)	Huyện Hớn Quản	300	300		
8	KCN Nam Đồng Phú - Giai đoạn III	Huyện Đồng Phú	900	900		
9	KCN Bình Phước	Huyện Đồng Phú	500	500		
10	KCN Đồng Nơ	Huyện Hớn Quản	500	500		
11	KCN Phú Riềng (Phú Riềng 159ha và Đồng Phú 334 ha)	Huyện Đồng Phú và huyện Phú Riềng	493	493		
12	KCN Long Hà (Phú Riềng)	Huyện Phú Riềng	524	524		
13	KCN Bắc Đồng Phú- Giai đoạn III	Huyện Đồng Phú	400	400		
14	KCN Minh Hưng - Sikico - Giai đoạn II	Huyện Hớn Quản	800	500		

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích theo Quy hoạch tỉnh được duyệt tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg (ha)	Điều chỉnh diện tích KCN trong Quy hoạch tỉnh (ha)		
				Diện tích điều chỉnh Quy hoạch tỉnh (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất KCN phân bổ đến năm 2025 (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất KCN phân bổ giai đoạn 2026-2030 (ha)
15	Các KCN trong phân khu công nghiệp trong Khu Kinh tế	KKTK Hoa Lư	129	870		
TỔNG CỘNG (I+II)			18.105	18.105		

Xuất phát tình hình trên, để chỉ tiêu đất sử dụng KCN phù hợp giữa Quyết định 1489/QĐ-TTg và Quyết định 1259/QĐ-TTg, tỉnh Bình Phước đề nghị điều chỉnh như sau:

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 2.455 ha.
- Quy hoạch được duyệt đến năm 2030: 7.584 ha.
- Đề xuất Điều chỉnh đến năm 2030: 18.105 ha, tăng 10.521 ha.

Đất công nghiệp tăng 10.521 ha được chuyển chủ yếu từ đất trồng cây lâu năm thuộc đất của các Công ty cao su thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và các Công ty cao su thuộc tỉnh quản lý vì vậy công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ rất thuận lợi, dễ thực hiện sau khi được điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất.

(3) Đất công trình năng lượng

Thời gian tới, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đặt ra cao hơn rất nhiều so với thời gian qua, tăng trưởng kinh tế cả nước năm 2025 phấn đấu đạt trên mức 8% và tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026 – 2030 phấn đấu ở mức 2 con số, đòi hỏi điện năng tăng trưởng gấp 1,5 lần, dự kiến bình quân hàng năm từ 12% đến trên 16% (*tương ứng mỗi năm cần bổ sung từ 8.000 – 10.000 MW*). Đây là thách thức rất lớn, trường hợp không kịp thời có giải pháp nhanh chóng phát triển nguồn điện, nhất là các nguồn điện nền, điện xanh, điện sạch, bền vững sẽ tiềm ẩn nguy cơ thiếu nguồn cung điện nghiêm trọng, nhất là trong thời gian từ năm 2026 đến năm 2028. Để chủ động các giải pháp từ sớm, từ xa, bảo đảm tuyệt đối không để thiếu điện trong bất cứ trường hợp nào theo chỉ đạo của Thủ tướng tại Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2025 về việc chủ động giải pháp bảo đảm cung ứng đủ điện phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân trong thời gian cao điểm năm 2025 và giai đoạn 2026-2030.

Bình Phước là tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển về năng lượng tái tạo như: Có số giờ nắng cao từ 2.200-2.500 giờ/năm, bình quân từ 1.733-1.846 giờ nắng/năm, cường độ bức xạ trung bình từ 4,74-5,05 kWh/m²/ngày, điều kiện hạ tầng lưới điện đầu nối và giải tỏa công suất thuận lợi; các khu vực thực hiện dự án Điện mặt trời tập trung ở các khu vực đất khô nóng, vốn trước đây được giao cho các doanh nghiệp trồng cao su,

nhưng hiệu quả không cao. Trong điều kiện các nguồn năng lượng như nhiệt điện, thủy điện... ngày càng khó khăn, thì định hướng phát triển nguồn điện mặt trời là một trong các giải pháp phát triển hợp lý; không chỉ nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hàng năm còn cung cấp nguồn năng lượng sạch cho phát triển kinh tế, xã hội, sản xuất kinh doanh và đời sống người dân trong khu vực.

Nguồn năng lượng tại Bình Phước chỉ tập trung 2 nguồn chính: 06 dự án Nhà máy điện mặt trời nối lưới với tổng công suất 850MWp và 10 công trình thủy điện đã xây dựng hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, đang vận hành phát điện với tổng công suất 396,8MW.

Vì vậy trong thời gian tới với định hướng sát nhập tỉnh, kết nối liên vùng, khu vực thì nhu cầu năng lượng ngày càng tăng, vấn đề an ninh năng lượng cần quan tâm. Việc đề xuất bổ sung chỉ tiêu đất năng lượng Bình Phước là cần thiết trong thời gian tới nhằm chủ động đảm bảo nguồn điện, an ninh năng lượng cho tỉnh mới sau sáp nhập và các tỉnh trong khu vực Miền Đông Nam Bộ. Phù hợp với Báo cáo đề xuất danh mục các dự án nguồn và lưới điện điều chỉnh quy hoạch điện VIII mà UBND tỉnh đã đề xuất Bộ Công thương tổng hợp điều chỉnh trình Thủ tướng phê duyệt. Đây là điều kiện để tỉnh Bình Phước vừa khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của tỉnh, phát triển đồng bộ, hợp lý, đa dạng hóa các loại hình năng lượng góp phần đảm bảo vững chắc an ninh năng lượng và cung cấp năng lượng đầy đủ, ổn định, an toàn để phát triển kinh tế và đời sống nhân dân.

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII); Công văn số 1724/VPCP-CN ngày 05/3/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc rà soát, tổng hợp, đề xuất các công trình, dự án điện phục vụ tính toán hoàn thiện điều chỉnh Quy hoạch điện VIII; Công văn số 1649/BCT-ĐL ngày 05/3/2025 và Công văn số 1702/BCT-ĐL ngày 09/3/2025 của Bộ Công Thương về việc đề xuất danh mục các dự án nguồn và lưới điện đồng bộ để cập nhật trong điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, UBND tỉnh Bình Phước đã rà soát, báo cáo, đề xuất Bộ Công Thương danh mục các dự án nguồn và lưới điện cập nhật trong điều chỉnh Quy hoạch điện VIII trên địa bàn tỉnh Bình Phước tại Công văn số 1058/UBND-TH ngày 11/3/2025, Công văn số 1059/UBND-TH ngày 12/3/2025, Công văn số 1221/UBND-TH ngày 21/3/2025 và số 1222/UBND-TH ngày 21/3/2025.

Xuất phát tình hình trên, để chỉ tiêu đất sử dụng cho các công trình năng lượng phù hợp Quyết định số 500/QĐ-TTg, Bình Phước đề nghị bổ sung nhu cầu sử dụng 13.975 ha đất công trình năng lượng.

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 19.751 ha.
- Quy hoạch được duyệt đến năm 2030: 23.121 ha.
- Đề xuất Điều chỉnh đến năm 2030: 37.096 ha, tăng 13.975 ha.

Đất công trình năng lượng tăng 13.975 ha được chuyển từ đất trồng cây lâu năm chủ yếu là cây sao su thuộc huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Hớn Quản, Bù Gia Mập, Bù Đăng.



b) Các chỉ tiêu sử dụng đất đề xuất tăng thêm do nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội

(1) Đất cụm công nghiệp

Tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã phê duyệt phương án phát triển cụm công nghiệp, trong đó quy mô phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt 1.828 ha. Vì vậy kiến nghị bổ sung thêm 575 ha đất cụm công nghiệp, đảm bảo chỉ tiêu đất cụm công nghiệp tỉnh Bình Phước là 1.828 ha.

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 315 ha.
- Quy hoạch được duyệt đến năm 2030: 1.253 ha.
- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 1.828 ha (Tăng 575 ha so với Quyết định số 1489/QĐ-TTg).

Đất cụm công nghiệp tăng 575 ha được chuyển chủ yếu từ đất trồng cây lâu năm.

(2) Đất công trình giao thông

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 13.206 ha.
- Quy hoạch được duyệt đến năm 2030: 17.115 ha.
- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 30.245 ha (Tăng 13.130 ha so với Quyết định số 326/QĐ-TTg).

Đến năm 2030, đất công trình giao thông tăng 13.130 ha để thực hiện những dự án giao thông trọng điểm như: Đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước); Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành; Đường Đồng Phú - Bình Dương, Nâng cấp mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối sân bay quốc tế Long Thành (Đồng Nai) và cảng Cái Mép - Thị Vải (Bà Rịa - Vũng Tàu); Đường giao thông phía Tây QL.13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư; Đường phía Tây QL.13 kết nối Bàu Bàng; Nâng cấp, mở rộng QL.14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành, ĐT.752 kết nối Bình Phước - Tây Ninh, ĐT.755B; Tuyến kết nối Bù Nho - Minh Lập, đường tuần tra biên giới, đường quốc lộ 13C, đường quốc lộ 14C...

Đất công trình giao thông tăng 13.130 ha được chuyển từ 13.050 ha đất trồng cây lâu năm, 80 ha đất lúa còn lại.

(3) Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao

Căn cứ Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 09/8/2012 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025: Hoàn thành xây dựng sân vận động tỉnh; 100% huyện, thị xã có nhà thi đấu, bể bơi; 100% xã, phường, thị trấn, thôn, ấp có mặt bằng tập luyện thể dục thể thao. Đồng thời, việc phát triển các khu công nghiệp sẽ thu hút rất lớn các chuyên gia nước ngoài cũng như nhân lực từ địa phương khác đến Bình Phước, nhu cầu phát triển xây dựng cơ sở thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là nhu cầu cao để xây dựng các sân golf.

Dự kiến đến năm 2025, Bình Phước xây dựng sân golf Minh Thắng với diện tích 180 ha và đến năm 2030 sẽ xây dựng thêm 05 sân golf nhằm kêu gọi đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Vì vậy, kiến nghị điều chỉnh chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao như sau:

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 154 ha.
- Quy hoạch được duyệt đến năm 2030: 444 ha.
- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 1.560 ha (Tăng 1.116 ha so với Quyết định số 326/QĐ-TTg).

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao tăng 1.116 ha được chuyển chủ yếu từ đất trồng cây lâu năm.

(4) Đất ở tại nông thôn

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 5.166 ha.
- Quy hoạch được duyệt đến năm 2030: 6.192 ha.
- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 12.192 ha (Tăng 6.000 ha so với Quyết định số 1489/QĐ-TTg).

Đất ở tại nông thôn tăng 6.000 ha được chuyển chủ yếu từ đất trồng cây lâu năm.

Hiện nay đang xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã dẫn đến một số phường, thị trấn sẽ trở thành đơn vị xã, đất ở tại đô thị được chuyển thành đất ở tại nông thôn vì vậy cần thiết phải tăng diện tích đất ở tại nông thôn.

(5) Đất ở tại đô thị

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 1.839 ha.
- Quy hoạch được duyệt đến năm 2030: 3.673 ha.
- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 5.673 ha (Tăng 2.000 ha so với Quyết định số 1489/QĐ-TTg).

Hiện nay đang xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã dẫn đến một số phường, thị trấn sẽ trở thành đơn vị xã hoặc một số đơn vị xã, phường sẽ trở thành phường, thị trấn vì vậy cần bổ sung đất ở tại đô thị.

(6) Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 35 ha.
- Chính phủ phân bổ đến năm 2030: 37 ha.
- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 78 ha (Tăng 41 ha so với Quyết định số 1489/QĐ-TTg).

Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác tăng 41 ha được chuyển chủ yếu từ đất trồng cây lâu năm.



(7) Đất tôn giáo

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 226 ha.
- Chính phủ phân bổ đến năm 2030: 236 ha.
- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 280 ha (Tăng 44 ha so với Quyết định số 1489/QĐ-TTg).

Đất tôn giáo tăng 44 ha được chuyển chủ yếu từ đất trồng cây lâu năm.

(8) Đất có mặt nước chuyên dùng

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 10.046 ha.
- Chính phủ phân bổ đến năm 2030: 10.086 ha.
- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 11.931 ha (Tăng 1.845 ha so với Quyết định số 1489/QĐ-TTg).

Đất có mặt nước chuyên dùng tăng 1.845 ha được chuyển chủ yếu từ đất trồng cây lâu năm.

(9) Đất phi nông nghiệp khác

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 45 ha.
- Quy hoạch được duyệt đến năm 2030: 51 ha.
- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 846 ha (Tăng 795 ha so với Quyết định số 1489/QĐ-TTg).

Đất phi nông nghiệp khác tăng 795 ha được chuyển chủ yếu từ đất trồng cây lâu năm.

4.2.3. Nhóm đất chưa sử dụng (Đất bằng chưa sử dụng)

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 73 ha.
- Chính phủ phân bổ đến năm 2030: 73 ha.
- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 0 ha (Giảm 73 ha so với Quyết định số 326/QĐ-TTg).

Đất chưa sử dụng giảm 73 ha được chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

4.2.4. Đất Khu công nghệ cao

Theo Quyết định số 326/QĐ-TTg không phân bổ chỉ tiêu đất khu công nghệ cao cho tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, trên cơ sở Bản Thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2025, Bình Phước và Thành phố Hồ Chí Minh đã thống nhất: *“Xây dựng hợp tác về công nghệ cao; khởi nghiệp sáng tạo của vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam với quy mô khoảng 200 ha, dự kiến đặt tại tỉnh Bình Phước; tỉnh Bình Phước sẽ bố trí quỹ đất để xây dựng Trung tâm này”*, Bình Phước xác định thành lập mới khu công nghệ cao tại thành phố Đồng Xoài với diện tích 200 ha.

Nội dung này đã được Bình Phước đề xuất trong quá trình lập thẩm định Quy hoạch tỉnh vì vậy tiếp tục đề xuất bổ sung thêm 200 ha đất công nghệ cao.

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 0 ha.

- Quy hoạch được duyệt đến năm 2030: 0 ha.

- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 200 ha (tăng 200 ha so với Quyết định số 326/QĐ-TTg).

4.2.5. Đất khu đô thị

Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, nhu cầu của các huyện, thị xã, thành phố là 58.392 ha. Tuy nhiên do nhu cầu phát triển nâng các xã lên phường và thị trấn vì vậy tiếp tục đề xuất bổ sung thêm 71.383 ha so với Quyết định số 326/QĐ-TTg.

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2020: 31.405 ha.

- Quy hoạch được duyệt đến năm 2030: 58.392 ha.

- Đề xuất điều chỉnh đến năm 2030: 129.775 ha (Tăng 71.383 ha so với Quyết định số 326/QĐ-TTg).

III. ĐÁNH GIÁ NHỮNG TỒN TẠI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC; ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

1. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

(Việc thực hiện các văn bản pháp luật; việc thực hiện Luật Đất đai năm 2024; Việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Về công tác dự báo trong lập quy hoạch; lấy ý kiến về quy hoạch sử dụng đất; về điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Về sự phù hợp với quy hoạch cấp trên và sự thống nhất giữa các quy hoạch; Sự cần thiết của các chỉ tiêu, tính khả thi, độ linh hoạt trong các chỉ tiêu được quy định tại Luật Đất đai năm 2013 so với Luật Đất đai năm 2024. Việc phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất từ Trung ương xuống địa phương (đã bảo đảm sát thực tế, phù hợp với nhu cầu của địa phương, nêu cụ thể các chỉ tiêu còn chưa phù hợp và phân tích, đánh giá?); Về nguồn lực thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Việc tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát; Các tồn tại, hạn chế khác)

Theo quy định pháp luật, công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được thực hiện đồng bộ từ Trung ương đến địa phương. Tuy nhiên để đảm bảo quản lý nhà nước về quy hoạch, Bình Phước đã phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện trước khi Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt dẫn đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vẫn còn bị chông chéo và mâu thuẫn giữa quy hoạch cấp huyện với quy hoạch tỉnh, với các quy hoạch ngành, quy hoạch vùng.

Việc lập Quy hoạch cấp tỉnh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 là khá mới, tổng hợp toàn bộ các quy hoạch ngành trong Quy hoạch tỉnh dẫn đến còn khó khăn trong việc tổ chức triển khai xây dựng, thời gian xây dựng và trình phê duyệt kéo dài. Việc phân bổ một số chỉ tiêu sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất quốc gia chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 để thúc đẩy kinh tế xã hội.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của cấp huyện được phân bổ theo từng đơn vị hành chính cấp xã, hiện nay đang xây dựng đề án sáp nhập một số đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã (theo Kết luận số 127/-KL/TW ngày 28/02/2025 của Ban Chấp hành Trung ương) sẽ ảnh hưởng đến công tác lập, trình thẩm định, trình phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030. Các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã triển khai thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, cụ thể đã phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hoàn thành công tác đấu thầu, lập điều chỉnh quy hoạch và tổ chức lấy ý kiến... Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 70 của Luật Đất đai năm 2024 thì thời gian lấy ý kiến là 30 ngày nên theo tiến độ các công việc đang thực hiện sẽ khó đảm bảo tiếp độ sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã.

2. Kiến nghị, đề xuất

- Về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất: Để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả thực hiện phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai trong Quy hoạch tỉnh và đề xuất nhu cầu điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 đã được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2024, Quyết định 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 và chỉ tiêu sử dụng đất trong Quy hoạch tỉnh theo Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 14/11/2023, Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn đến năm 2050 là phù hợp với Luật Quy hoạch, Luật Đất đai, đảm bảo điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp với phát triển kinh tế xã hội ở từng địa phương; Tuy nhiên, việc thực hiện nay đang điều chỉnh về địa giới hành chính sẽ có nhiều thay đổi lớn, đồng thời để tránh lãng phí về nguồn lực, tỉnh Bình Phước kiến nghị xem xét lại thời gian lập và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia thời kỳ 2021- 2030 tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất, kiểm kê đất đai và đề xuất nhu cầu sử dụng đất phục vụ lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch;
- Sở: NN&MT, CT, XD, VH TT&DL;
- Công an tỉnh;
- BCH Quân sự tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- LĐVP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (Đ.Thắng BC 04).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trường Sơn